

cấp, gia hạn giấy chứng nhận môi trường trái với quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 61/1998/TT-BTC ngày 13-5-1998 hướng dẫn chế độ quản lý kinh phí an toàn giao thông do ngân sách trung ương đài thọ.

Thực hiện Quyết định số 917/1997/QĐ-TTg ngày 29-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban An toàn giao thông quốc gia; để thống nhất quản lý ngân sách dành cho công tác an toàn giao thông; Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý kinh phí an toàn giao thông do ngân sách trung ương đài thọ như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Kinh phí để thực hiện công tác an toàn giao thông của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia do ngân sách nhà nước đài thọ và được cân đối vào ngân sách hàng năm của Bộ Giao thông vận tải.

2. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trong việc tổng hợp, dự kiến phân bổ kế hoạch ngân sách dành cho công tác an toàn giao thông hàng năm, quý cho các đơn vị để triển khai thực

hiện Nghị định số 36-CP ngày 25-7-1995, Nghị định số 39-CP và Nghị định số 40-CP ngày 5-7-1996 của Chính phủ.

3. Kinh phí ngân sách dành cho công tác an toàn giao thông phải được sử dụng đúng mục đích và nội dung phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông quốc gia; được quản lý chặt chẽ theo các chế độ tài chính hiện hành.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG DO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐÀI THỌ

A. Nội dung chi:

1. Chi cho bộ máy của Văn phòng thường trực Ủy ban An toàn giao thông quốc gia.

2. Chi phục vụ công tác an toàn giao thông quốc gia:

- Chi hợp định kỳ sơ kết, tổng kết về an toàn giao thông.

- Chi thưởng cho các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong công tác an toàn giao thông theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông quốc gia.

- Chi cho công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn giao thông, bao gồm cả hỗ trợ việc in tài liệu giảng dạy cho học sinh các cấp để đưa luật lệ giao thông vào các trường học.

- Hỗ trợ đào tạo các nghiệp vụ về an toàn giao thông.

- Chi hợp tác quốc tế về an toàn giao thông.

- Chi hỗ trợ việc biên soạn, sửa đổi, bổ sung các văn bản chế độ về an toàn giao thông.

- Chi phí cho các đoàn kiểm tra liên ngành về thực hiện công tác an toàn giao thông.

- Chi khác.

B. Công tác lập dự toán, cấp phát kinh phí, kế toán và quyết toán:

Nguồn kinh phí an toàn giao thông do ngân sách trung ương đài thọ được quản lý, cấp phát và quyết toán theo quy định tại Thông tư số 9-TC/NSNN ngày 18-3-1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách; Quyết định số 999-TC/QĐ/CĐKT ngày 2-11-1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 63/1998/TT-BTC ngày 13-5-1998 hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị

định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ.

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các đối tượng được áp dụng quy định về thuế hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm:

- Các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khác được thành lập trên cơ sở hiệp định được ký kết giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài. Trường hợp trong hiệp định có các quy định khác về thuế thì thực hiện theo các quy định của hiệp định đó.

Các đối tượng nêu trên dưới đây gọi là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.